

Bản án số: 403/2020/HSST

Ngày: 16/9/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang T2 2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ T1 Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân TP TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 405/2020/HSST ngày 27/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2020/QĐXXST - HS ngày 27/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M**; Sinh ngày 28/5/1988; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: xóm BK, xã BT, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề Nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn T sinh năm 1964; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966; Gia đình có 03 chị em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 ; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017 ; Tiền án, tiền sự ; Không

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại phương. (không bị tạm giam, tạm giữ).

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại: Bà Trần Thị T2, sinh năm 1946 (đã chết)

3. Đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Lý Trường L, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường TT, thành phố TN, TN.

Bà Trần Thúy H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường Tr Th, TP TN, TN.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Lý Trường L, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường TT, thành phố TN, TN.

3. Người chứng kiến: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, phường TT, thành phố TN, TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h30 ngày 01/4/2020, Nguyễn Văn M, có giấy phép lái xe hạng FC, điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS 20C – 147.98 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS 006.09 đi trên đường TT hướng quốc lộ 37 đi quốc lộ 3 cũ. Khi đi đến đoạn thuộc tổ 04, phường TT, thành phố TN, M đỗ xe sát lề đường bên phải và xuống mua thuốc đau dạ dày. Sau khi mua thuốc xong, M quay lại xe, khi lên xe M không chú ý quan sát xung quanh và điều khiển xe tiến lên khoảng 0,5 mét thì mới nhìn thấy bà Trần Thị T2, sinh năm 1946, trú tại tổ 04, phường TT, thành phố TN đang đi bộ cùng chiều sát lề đường bên phải, cách đầu xe bên phải của M khoảng 0,5 mét, do khoảng cách quá gần nên M không xử lý kịp, phần đầu xe bên phải của M đâm va vào bà T2 dẫn đến tai nạn giao thông.

Hậu quả: Bà Trần Thị T2 bị thương nặng, chết hồi 14h00 cùng ngày.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 544/KL-KTHS ngày 22/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN kết luận: bà Trần Thị T2 bị tổn thương đa chấn thương: Chấn thương ngực kín, gãy xương sườn, dập rách phổi, chảy tụ máu trong khoang ngực; chấn thương bụng kín, vỡ xương chậu, vỡ các tạng trong ổ bụng, chảy tụ máu trong ổ bụng gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Căn cứ sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, Kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm dấu vết các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn và các tài liệu điều tra thu thập được đã xác định được nguyên nhân vụ tai nạn giao thông là do Nguyễn Văn M điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 20C – 147.98 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS: 006.09 không chú ý quan sát dẫn đến tai nạn giao thông làm thiệt hại sức khỏe, tính mạng của bà Trần Thị T2 như nêu trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn M đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bà Trần Thị T2 số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện gia đình bà T2 là anh Lý Trường L (con trai bà T2) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu M phải bồi thường gì thêm. Phần dân sự đã giải quyết xong.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai của M phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y, biên bản khám phương tiện giao thông.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 xe ô tô BKS: 20C – 147.98; 01 Sơ mi rơ moóc BKS 20R – 006.09 và 01 đăng ký xe ô tô số 057855; 01 đăng ký Sơ mi rơ moóc số 001621, 02 giấy kiểm định cùng 02 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự. Quá trình

điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho anh Nguyễn Tiến Hòa đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Tâm Lọc và Vật liệu xây dựng TN.

01 giấy phép lái xe hạng FC số 190162001149 mang tên Nguyễn Văn M; 01 chiếc quần lửng màu đen, sọc trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu, hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 418/CT- VKSTPTN, ngày 26/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã truy tố Nguyễn Văn M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 260 BLHS; điểm b,s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số 190162001149 mang tên Nguyễn Văn M, có giá trị đến ngày 23/7/2024.

Phản dân sự: Đã giải quyết xong.

Bị cáo phải chịu án phí HSST, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo không có việc làm ổn định, có hai con thơ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Văn M thừa nhận: Khoảng 08h30 ngày 01/4/2020, Nguyễn Văn M có giấy phép lái xe hạng FC, điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 20C – 147.98 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS: 006.09 đi trên đường TT, thành phố TN hướng quốc lộ 37 đi quốc lộ 3 cũ. Khi đi đến đoạn thuộc tổ 04, phường TT, thành phố TN. do không chú ý quan sát đã đâm va vào bà Trần Thị T2, sinh năm 1946, trú tại tổ 04, phường TT, thành phố TN đang đi bộ cùng chiều sát lề đường bên phải, dẫn đến tai nạn giao thông làm bà T2 tử vong.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y, biên bản khám phương tiện giao thông và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Hành vi của Nguyễn Văn M đã vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ. Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

“23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

[5]. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ Luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây nguy hại cho người tham gia giao thông. Vì vậy, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết nhằm răn đe đối với bị cáo về ý thức tham gia giao thông và phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tiền sự; tiền án, có nhân thân tốt, trong quá trình giải quyết thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[7] Về hình phạt: Khi quyết định mức hình phạt, HĐXX thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội với lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, thực sự thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, có hai con còn nhỏ,

bị cáo xin được cải tạo tại địa phương để được tiếp tục lao động nuôi sống gia đình, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, vì vậy HĐXX chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hậu quả của bị cáo gây ra là chết người, vì vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự cấm bị cáo hành nghề lái xe trong 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, tạm giữ 01 giấy phép lái xe của bị cáo trong thời gian cấm hành nghề.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

[10] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tiêu hủy: 01 chiếc quần lửng màu đen, sọc trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu.

[11]. Bị cáo phải nộp án phí HSST. Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017

1.Tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M: 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng.

Giao bị cáo cho UBND xã BT, huyện ĐT, tỉnh TN giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 92, 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260; Điều 41 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo hành nghề lái xe trong thời hạn 12 (tháng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, tạm giữ 01 giấy phép lái xe số 190162001149 hạng FC mang tên Nguyễn Văn M của bị cáo trong thời gian cấm hành nghề. Trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo khi hết thời hạn tạm giữ.

(Giấy phép lái xe hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 503 ngày 15/9/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tiêu hủy: 01 chiếc quần lửng màu đen, sọc trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu. *(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 503 ngày 15/9/2020).*

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án: Bu ộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- Công an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo; NCQLNVLQ; ĐDBH
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Minh Huệ

